

Bản án số: 279/2021/DS-PT

Ngày: 29/03/2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Hương.

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thảo

Ông Nguyễn Bá Thịnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Vũ Khắc - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Tào Minh Quân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 29/03/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 606/2020/TLPT-DS ngày 19/11/2020, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 408/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 818/2021/QĐPT-DS ngày 05 tháng 03 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Mỹ N, sinh năm: 1964 (có mặt)

Thường trú: số 49/26 TNH, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Trang Thị Kim D, sinh năm 1970 (có mặt)

Địa chỉ: số 436A/54 đường 3/2, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà D: luật sư Vũ Thế H - Công ty Luật TNHH MTV Livelaw - thuộc Đoàn luật sư TP.HCM (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/5/2020 và các lời khai nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ N trình bày:

Do có quan hệ quen biết nên ngày 16/10/2019 Bà N cho bà Trang Thị Kim D vay tiền theo hợp đồng vay tiền không biện pháp bảo đảm được công chứng tại Văn phòng công chứng Đỗ Trí Tín. Số tiền vay là 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng, lãi suất 20%/năm, bà D tự thỏa thuận sau 02 tháng sẽ hoàn trả số tiền trên cho Bà N.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Trần Thị Mỹ N yêu cầu bà Trang Thị Kim D hoàn trả số tiền gốc đã vay là 600.000.000 đồng; tiền lãi chậm thanh toán từ 16/10/2019 đến ngày 30/9/2020 theo lãi suất 1,6%/tháng là 110.080.000 đồng. Tổng cộng tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày xét xử là 710.080.000 (bảy trăm mười triệu không trăm tám mươi nghìn) đồng.

Theo bản tự khai của bị đơn bà Trang Thị Kim D trình bày:

Ngày 16/10/2019 bà và bà Trần Thị Mỹ N có ký hợp đồng vay tài sản tại văn phòng công chứng Đỗ Trí Tín với số tiền là 600.000.000 đồng với lãi suất 20%/năm. Tuy nhiên do tình hình khó khăn nên bà và Bà N thỏa thuận lãi suất 1,6%/tháng. Ngày 01/6/2020 bà có làm bản cam kết trả tiền. Tuy nhiên do tình hình dịch bệnh khó khăn nên không thực hiện được như cam kết.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 408/2020/DS - ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Mỹ N.

Buộc bà Trang Thị Kim D có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Mỹ N số nợ gốc là 600.000.000 (Sáu trăm triệu); tiền lãi tạm tính từ ngày 16/10/2019 đến ngày 30/9/2020 là 110.080.000 (một trăm mười triệu không trăm tám mươi nghìn) đồng.

Thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, lệ phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 14/10/2020 bị đơn bà Trang Thị Kim D có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện vẫn giữ nguyên ý kiến và không nộp chứng cứ gì khác ngoài các chứng cứ đã nộp tại cấp sơ thẩm. Bị đơn không rút kháng cáo vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày và có nộp 04 bản photo giấy "Ủy nhiệm chi của các ngày 30/09/2019; ngày 28/11/2019; ngày 16/01/2020; ngày 14/03/2020 của ngân hàng ACB". Các bên xác định ngoài các tài liệu chứng cứ đã giao nộp thì không còn chứng cứ nào khác có liên quan đến việc vay tiền theo "Hợp đồng vay tiền ngày 16/10/2019 và giấy xác nhận mượn tiền ngày 01/6/2020" mà hai bên đã ký kết.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích cho bị đơn là Luật sư Vũ Thế H trình bày: Đề nghị Tòa án chấp nhận và xem xét đến các chứng cứ mới xuất trình tại phiên tòa hôm nay là các Ủy nhiệm chi ngày 30/09/2019; ngày 28/11/2019; ngày 16/01/2020; ngày 14/03/2020 của ngân hàng ACB mà bị đơn đã xuất trình tại phiên tòa, yêu cầu xem xét tính hợp pháp của hợp đồng vay tiền tại Văn phòng công chứng Đỗ Trí Tín, cấp sơ thẩm chưa xem xét về việc bà D đã trả tiền cho nguyên đơn và việc ép buộc bị đơn ký giấy xác nhận mượn tiền để làm rõ nội

dung của vụ kiện. Tòa án nhân dân Quận Y chưa làm rõ việc bị đơn bị ép ký giấy xác nhận mượn tiền ngày 01/6/2020 và Hợp đồng vay tiền ngày 16/10/2019; Chưa làm rõ việc bà D phải trả lãi suất 6%/tháng tức 72%/năm so với lãi suất trong hợp đồng và không làm rõ nghĩa vụ thuế đối với thu nhập chịu thuế từ việc nhận lãi cho vay, do đó đề nghị cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh nhận xét:

Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử, các đương sự tham gia tố tụng đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng được quy định tại BLTTDS. Bị đơn bà D kháng cáo còn trong thời hạn nên được chấp nhận.

Về nội dung:

Bị đơn kháng cáo đề nghị huỷ bản án sơ thẩm, nhận thấy: Căn cứ vào hợp đồng vay tiền ngày 16/10/2019, giấy xác nhận mượn tiền ngày 01/6/2020, trình bày của các đương sự xác nhận bà Trang Thị Kim D có vay của bà Trần Thị Mỹ N số tiền 600.000.000 đồng, thời gian trả là ngày 16/6/2020. Kể từ khi nhận tiền vay cho đến nay, bà D chưa thực hiện thanh toán số tiền gốc và lãi vay cho Bà N. Theo hợp đồng, lãi suất cho vay là 20%, nhưng tại phiên tòa Bà N đề nghị tính lãi 1,6%/ tháng từ ngày 16/10/2019 đến khi xét xử sơ thẩm. Do nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi 1,6%/ tháng là có lợi cho bị đơn so với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 nên cần chấp nhận. Vì vậy Bà N khởi kiện yêu cầu bà D phải thanh toán số nợ gốc 600.000.000 đồng, tiền lãi từ ngày 16/10/2019 đến ngày 30/9/2020 số tiền là 110.080.000 đồng là có cơ sở.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn cung cấp cho Hội đồng xét xử giấy ủy nhiệm chi các ngày 30/9/2019, 28/11/2019, 16/01/2020, 17/2/2020, 14/3/2020 đã trả được cho nguyên đơn số tiền 120.500.000 đồng và khoảng 40.000.000 đồng tiền mặt nhưng không có giấy tờ ký nhận, bị đơn cho rằng số tiền trên là trả tiền gốc, lãi của số tiền mượn 600.000.000 đồng. Xét thấy ngày ban hành các giấy ủy nhiệm chi đều có trước ngày 01/6/2020 là ngày bà D xác nhận còn nợ Bà N số tiền 600.000.000 đồng. Như vậy bà D cho rằng đã trả gốc, lãi cho Bà N là không có cơ sở chấp nhận. Ngoài ra bà D cho rằng bị ép buộc phải ký giấy mượn ngày 01/6/2020, nhưng không đưa ra được chứng cứ bị ép buộc nên không có cơ sở xem xét.

Đối với các vấn đề kháng cáo của bị đơn bà Trang Thị Kim D nhận thấy:

bà D cho rằng ngày 10/10/2020 bà bắt ngờ nhận được Bản án số 408/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 thông qua tổ trưởng tổ dân phố nơi bà đang cư trú và cho rằng Tòa án sơ thẩm vi phạm thủ tục tổng đạt giao bản án cho bà.

Nhận thấy: Tại biên bản ngày 09/10/2020 về việc không thực hiện được việc cấp, tổng đạt bản án cho đương sự, Tòa án có đến địa chỉ 436A/54 đường 3/2, Phường X, Quận Y để tiến hành tổng đạt bản án cho bà D nhưng đương sự đi vắng, không có người nhận thay, sự việc có tổ dân phố xác nhận. Do không tiến hành tổng đạt trực tiếp được bản án nên cùng ngày Tòa Quận Y tiến hành niêm yết bản án sơ thẩm là đúng quy định tại khoản 5 Điều 177 Bộ luật tố tụng

dân sự 2015. Hiện nay bà D cũng đã nhận được bản án và thực hiện quyền kháng cáo, vì vậy không có cơ sở chấp nhận ý kiến này của bị đơn.

Tòa án sơ thẩm không hoãn phiên tòa khi bị đơn không thể tham gia phiên tòa vì có lý do chính đáng, vi phạm khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Nhận thấy: Trong hồ sơ thể hiện, ngày 10/9/2020 bị đơn bà D có đơn đề nghị hoãn phiên tòa xét xử 08 giờ ngày 14/9/2020 và Tòa án đã hoãn phiên tòa số 172/2020/QĐST-DS ngày 14/9/2020, thời gian xét xử lại ngày 30/9/2020. Ngày 29/9/2020 bà D có đơn gửi Tòa Quận Y đề nghị hoãn phiên tòa xét xử ngày 30/9/2020 vì lý do sức khỏe và cung cấp đơn thuốc ghi ngày 29/9/2020 tại phòng khám chấn thương chỉnh hình Bà Hạt. Xem xét ý kiến này thấy: Để đảm bảo quyền lợi của bị đơn nên ngày 14/9/2020 Tòa án đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất theo yêu cầu của bị đơn, ngày 29/9/2020 bà D tiếp tục có đơn xin hoãn phiên tòa do bị bệnh là không có cơ sở, bởi lẽ nếu bà D không tham gia phiên tòa được có thể ủy quyền cho người khác tham gia để bảo vệ quyền lợi của mình theo quy định, mặt khác tòa án cũng đã hoãn một lần theo yêu cầu của bị đơn, vì vậy ngày 30/9/2020 Tòa án tiếp tục xét xử là đúng quy định nên không chấp nhận ý kiến này của bị đơn.

bà D cho rằng Tòa sơ thẩm từ chối quyền nhờ luật sư của bà là không đúng quy định. Theo đơn kháng cáo thể hiện ngày 16/8/2020 bị đơn bà D gửi bản photo đơn yêu cầu luật sư nộp cho Tòa án sơ thẩm. Qua kiểm tra trong hồ sơ thể hiện ngày 08/9/2020 Tòa án Quận Y có nhận được giấy giới thiệu luật sư của bà D và đơn yêu cầu luật sư của bà D nhưng là bản photo, mặt khác tại biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ ngày 22/9/2020 bà D cũng không có ý kiến về việc có yêu cầu Luật sư bảo vệ. Tuy nhiên vấn đề yêu cầu Luật sư bảo vệ thì bà D có thể yêu cầu ở bất cứ giai đoạn nào sơ thẩm hay phúc thẩm. Vì vậy ý kiến của bà D cần có luật sư bảo vệ ở sơ thẩm là không có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên tại phiên Tòa hôm nay, bị đơn đã được Luật sư Vũ Thế H tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp theo quy định.

Tòa án sơ thẩm chưa làm rõ mâu thuẫn của tài liệu chứng cứ khách quan của vụ án như: Tại biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và biên bản hòa giải thành ngày 22/9/2020 bà đã bị thúc ép ký thỏa thuận việc trả nợ cho Bà N, sau khi về nhà xem kỹ biên bản hòa giải chưa phản ánh đúng sự thật nên bà đã thay đổi ý kiến nhưng đến ngày 30/9/2020 Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử giải quyết nhanh chóng bất thường không đảm bảo tính khách quan. Qua xem xét ý kiến này nhận thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa Quận Y đã tiến hành hòa giải và kiểm tra việc giao nộp chứng cứ, thời hạn giải quyết đúng trình tự thủ tục quy định và ngoài chứng cứ đã nêu bà D không còn nêu được chứng cứ nào khác chứng minh cho việc Thẩm phán không vô tư khách quan nên kháng cáo là không có cơ sở.

Bị đơn kháng cáo cho rằng Tòa án vi phạm trong việc nhận định và đánh giá chứng cứ: Tòa sơ thẩm chủ yếu chỉ căn cứ vào lời khai của nguyên đơn để buộc bà phải trả số tiền 600.000.000 đồng và tiền lãi 20%/năm từ ngày 16/10/2019 đến ngày 30/9/2020 là 100.080.000 đồng, nhưng chưa làm rõ trước đó bà đã phải trả lãi cho Bà N hàng tháng là 6%/tháng, tức 72%/năm, vậy tiền

chênh lệch lãi đã đóng của bà chưa được trừ vào nợ gốc. Vấn đề này nhận thấy: Tại hợp đồng vay tiền ngày 16/10/2019, giấy xác nhận mượn tiền ngày 01/6/2020 bà D thừa nhận số tiền vay 600.000.000 đồng cũng như ngày vay, cam đoan ngày 16/6/2020 sẽ trả nợ, nhưng đến nay bà D chưa trả cho Bà N là vi phạm thỏa thuận. Về lãi suất bà D cho rằng đã trả Bà N tiền lãi nhưng không có chứng cứ đã trả nên không có cơ sở xem xét. Về lãi suất: tại hợp đồng thể hiện lãi vay là 20%/tháng, tuy nhiên nguyên đơn xác định lại chỉ yêu cầu bị đơn trả lãi 1,6%/tháng trên số tiền vay 600.000.000 đồng kể từ ngày 16/10/2019 đến ngày 30/9/2020 với số tiền lãi là 110.080.000 đồng là phù hợp.

Từ những nhận định trên cho thấy Tòa án nhân dân Quận Y đã xét xử đúng quy định của pháp luật nên kháng cáo của bị đơn bà D là không có cơ sở chấp nhận đề nghị giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 408/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân Quận Y, TP. Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Trang Thị Kim D đảm bảo đúng quy định về thời hạn và thủ tục kháng cáo, do đó về hình thức là hợp lệ. Về người tham gia tố tụng trong vụ án và tổng đạt các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và xác định đúng về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Bị đơn bà Trang Thị Kim D cho rằng bản án sơ thẩm đã có những vi phạm về tố tụng như chưa nhận định đánh giá và làm rõ các mâu thuẫn của các tài liệu, chứng cứ các bên trình bày nên bà kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xét xử hủy bản án sơ thẩm.

[3] Qua xem xét các nội dung kháng cáo của bị đơn bà Trang Thị Kim D, HĐXX nhận thấy:

* Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo Đơn khởi kiện (bl số 01) các bản tự khai (bl số 36, 37) Biên bản hòa giải (bl 43) và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa có cơ sở xác định giữa bà Trang Thị Kim D và bà Trần Thị Mỹ N có ký kết "*Hợp đồng vay tiền ngày 16/10/2019*" với nội dung: "*bà D vay của Bà N số tiền là 600.000.000 đồng, lãi suất cho vay là 20%/năm, thời gian vay: không thời hạn, việc giao nhận tiền vay do hai bên tự thực hiện*" (bl số 11-13). Tiếp theo tại "*Giấy xác nhận mượn tiền*" ngày 01/6/2020 do bà D viết có nội dung như sau: "... Hôm nay, tôi làm giấy xác nhận có mượn của chị Trần Thị Mỹ N số tiền là 600.000.000 đ (Sáu trăm triệu đồng chẵn) và có công chứng làm hợp đồng ngày 16/10/2019" (bl số 15) và các nội dung này cũng được bà D xác nhận tại bản tự khai ngày 22/9/2020 (bl số 37) và tại "Biên bản hòa giải ngày 22/9/2020" (bl số 43) tại cấp sơ thẩm, do đó có cơ sở xác định sau khi ký hợp

đồng vay tiền ngày 16/10/2019 Bà N có giao cho bà D số tiền là 600.000.000 đồng theo thỏa thuận tại Hợp đồng nêu trên.

Tại khoản 2 điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi thì: *“Bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho bên vay một thời gian hợp lý và được trả lãi đến thời điểm nhận lại tài sản...”*. Tại “Giấy xác nhận mượn tiền” ngày 01/6/2020 (b1 số 15) bà D có cam kết: *“Thời gian qua do khó khăn nên tôi chưa trả được số tiền 600.000.000 đồng và lãi. Tôi cam đoan sẽ trả lại cho chị Nghĩa vào ngày 16/6/2020”* và tại bản tự khai ngày 22/9/2020 thì bà D trình bày: *“Ngày 01/6/2020, tôi có làm bản cam kết theo ý chị Nghĩa nhưng không thực hiện được vì dịch bệnh diễn ra...”* (b1 số 37). Như vậy, có cơ sở để xác định Bà N có thông báo về thời hạn trả nợ cho bà D trước một thời gian nhất định và bà D có cam kết về thời hạn trả nợ nên phù hợp với quy định tại khoản 2 điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015.

Xét tại Hợp đồng vay ngày 16/10/2019 có lãi suất 20%/năm là phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Bà N khởi kiện, yêu cầu mức lãi suất 1,6%/tháng, tức 19,2%/năm. Thời gian tính lãi từ 16/10/2019 đến thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại bản tự khai ngày 22/9/2020 bà D trình bày: *“... do tình hình khó khăn, tôi và Bà N thỏa thuận lãi suất 1,6%/tháng...”*. Như vậy việc Bà N tính lại mức lãi suất 1,6%/tháng, tức 19,2%/năm là có sự thỏa thuận các bên.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà D nộp 04 bản photo giấy “Ủy nhiệm chi ngày 30/09/2019; ngày 28/11/2019; ngày 16/01/2020; ngày 14/03/2020 của ngân hàng ACB”, HĐXX nhận thấy các giấy này là các giao dịch giữa bà D và Bà N có trước khi bà D viết giấy xác nhận mượn tiền ngày 01/6/2020 và bà D cũng không có nộp chứng cứ nào để chứng minh việc bà bị ép ký Hợp đồng vay tiền ngày 16/10/2019 và giấy xác nhận mượn tiền ngày 01/6/2020 đồng thời bà cũng không xuất trình được các chứng cứ chứng minh là bà đã trả tiền lãi cho Bà N với lãi suất 6%/tháng tức 72%/năm. Do đó, có cơ sở xác định kể từ khi nhận tiền vay cho đến nay thì bà D chưa thanh toán số tiền gốc và lãi đã vay cho Bà N nên Bà N khởi kiện bà D để đòi số tiền 600.000.000 đồng đã cho vay là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, HĐXX nhận thấy cấp sơ thẩm buộc bà Trang Thị Kim D phải thanh toán số nợ gốc: 600.000.000 đồng; lãi suất 1,6%/tháng, tức 19,2%/năm, thời hạn tính lãi từ 16/10/2019 đến ngày 30/9/2020, tổng cộng tiền lãi là 110.080.000 đồng là đã có lợi cho bà D, phù hợp với quy định tại điều 357; khoản 1 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao.

[4] Đối với kháng cáo của bị đơn cho rằng Tòa án nhân dân Quận Y đã vi phạm thủ tục về việc tổng đạt bản án dân sự sơ thẩm số 408/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận Y cho bị đơn bà D, HĐXX nhận thấy tại khoản 2 điều 269 BLTTDS năm 2015 quy định: *“ Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tuyên án, Tòa án phải giao hoặc gửi bản án cho các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện và Viện kiểm sát cùng cấp.. ”*. Theo đơn

kháng cáo của bà Trang Thị Kim D tại trang 1 (bl số 95) thì bà trình bày: *".. Ngày 10/10/2020 bà nhận được Bản án số 408/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 nêu trên thông qua tổ trưởng nội bà cư trú..."*. Như vậy bà đã nhận được bản án sơ thẩm của do Tòa án nhân dân Quận Y trong thời hạn nên cấp sơ thẩm đã không vi phạm tố tụng trong việc cấp, giao, gửi bản án sơ thẩm cho các đương sự nên nội dung kháng cáo này của bà D là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Đối với kháng cáo của bị đơn cho rằng cấp sơ thẩm đã vi phạm tố tụng là không hoãn phiên tòa khi bị đơn bà D không thể tham gia vì lý do sức khỏe, HĐXX nhận thấy ngày 28/8/2020 Tòa án nhân dân Quận Y có Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 206/2020/QĐXXST-DS thời gian mở phiên tòa là ngày 14/9/2020 (bl số 71) đến ngày 10/9/2020 thì bị đơn có "Đơn xin hoãn phiên tòa để bổ sung chứng cứ" (bl số 22). Đến ngày 14/9/2020 Tòa án nhân dân Quận Y ra quyết định hoãn phiên tòa số 172/2020/QĐST- DS và ấn định thời gian mở phiên tòa lần hai là ngày 30/9/2020 (bl số 74). Sau đó vào ngày 29/9/2020 bà D tiếp tục có "Đơn yêu cầu hoãn phiên tòa ngày 30/09/2020" vì lý do sức khỏe (bl số 35) kèm theo đơn là 01 "Đơn thuốc" do Phòng khám bệnh Bà Hạt cấp (bl số 34). Nhận thấy, Phòng khám bà Hạt không phải là Bệnh viện chuyên môn và trong đơn thuốc có ghi "Hạn chế đi lại" chứ không cấm đi lại, do đó tình trạng bệnh của bà D không thuộc trường hợp sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan theo quy định tại điều 156 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử vắng mặt bà D là đúng quy định tại điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên kháng cáo này của bị đơn là không có căn cứ.

[6] Đối với kháng cáo của bị đơn cho rằng bị hạn chế quyền nhờ người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp và không nhận được thông báo của Tòa án, HĐXX nhận thấy: Trong quá trình cấp sơ thẩm giải quyết vụ kiện thì phía Công ty luật LiveLaw có gửi đến Tòa án "Giấy giới thiệu luật sư Vũ Thế H" và "Đơn yêu cầu luật sư" (bản photo) của bà Trang Thị Kim D (bl số 19, 20) và không còn gửi văn bản nào khác. Theo khoản 2 điều 27 Luật luật sư quy định *"Khi tham gia tố tụng với tư cách là người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự... Luật sư xuất trình Thẻ luật sư và giấy yêu cầu luật sư của khách hàng..."*. Căn cứ các quy định pháp luật nêu trên thì Giấy đề nghị luật sư của Công ty luật LiveLaw là chưa đủ điều kiện vì còn thiếu thẻ luật sư của luật sư Vũ Thế H. Tuy nhiên, phía Luật sư H không liên hệ Tòa án để bổ sung các giấy tờ còn thiếu nên cấp sơ thẩm không để Luật sư H tham gia tố tụng là đúng quy định.

[7] Về kháng cáo của bị đơn cho rằng Tòa án nhân dân Quận Y chưa làm rõ việc bị đơn bị ép ký giấy xác nhận mượn tiền ngày 01/6/2020 và Hợp đồng vay tiền ngày 16/10/2019; Chưa làm rõ việc bà D phải trả lãi suất 6%/tháng tức 72%/năm so với lãi suất trong hợp đồng và không làm rõ nghĩa vụ thuế đối với thu nhập chịu thuế từ việc nhận lãi cho vay, HĐXX nhận thấy: Trong quá trình Tòa án giải quyết bị đơn bà D đã có lời khai thừa nhận là bà có ký hợp đồng vay tiền ngày 16/10/2019 và viết giấy xác nhận mượn tiền ngày 01/6/2020 nhưng không thực hiện được vì dịch bệnh diễn ra (bl số 37) và bà xác định không có chứng cứ nào chứng minh về việc bà đã bị ép ký Hợp đồng vay tiền ngày 16/10/2019 và Giấy xác nhận mượn tiền ngày 01/6/2020 đồng thời bà cũng không

xuất trình được các chứng cứ chứng minh là bà đã trả tiền lãi cho Bà N với lãi suất 6%/tháng tức 72%/năm. Do đó kháng cáo nêu trên của bà D là không có căn cứ chấp nhận.

[8] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị đơn Trang Thị Kim D kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm nhưng không cung cấp được các căn cứ, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là phù hợp quy định pháp luật nên kháng cáo không được chấp nhận, cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 408/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tại phiên toà phúc thẩm.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn Dung phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp và quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trang Thị Kim D.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 408/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Mỹ N.

Buộc bà Trang Thị Kim D có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Mỹ N số nợ gốc là 600.000.000 (sáu trăm triệu); tiền lãi tạm tính từ ngày 16/10/2019 đến ngày 30/9/2020 là 110.080.000 (một trăm mười triệu không trăm tám mươi nghìn) đồng.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trang Thị Kim D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 32.403.200 (ba mươi hai triệu bốn trăm lẻ ba nghìn hai trăm) đồng.

Hoàn trả lại cho bà Trần Thị Mỹ N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.400.000 (mười lăm triệu bốn trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2019/0014783 ngày 08/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Trang Thị Kim D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai số AA/2019/0049614 ngày 14/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Quận Y.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận Y, TPHCM;
- Chi cục THADS Quận Y, TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Ngọc Hương